

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 603/2023/HS-PT

Ngày: 15/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh X, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 635/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Đỗ Thị HH) về phần trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh X.

- Nguyễn Thị A, sinh năm 1985; tên gọi khác: Không, giới tính: Nữ; Nơi ĐKKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện X, tỉnh P; nơi cư trú: Thôn L, xã TL, huyện X, tỉnh P. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 12/12. Con ông Nguyễn Q, sinh năm 1960. Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965. Gia đình có 2 chị em, bị cáo là thứ nhất. Chồng: Nguyễn Minh T, sinh năm 1980, đã ly hôn. Con: Có 04 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 131/2021/HS-ST ngày 30/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Ngày 20/3/2020, Nguyễn Thị A bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An khởi về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Sau đó vụ án được chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N để điều tra theo thẩm quyền.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam H - Bộ Công an, theo quyết định tại Bản án số: 131/2021/HS-ST ngày 30/12/2021 của Toà án nhân dân tỉnh P. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông BH1, sinh năm 1967 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn BL 2, xã Z, huyện Y, tỉnh X.
2. Anh BH2, sinh năm 1996 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn TH, xã Z, huyện Y, tỉnh X.
3. Anh BH3, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Z, huyện Y, tỉnh X.
4. Anh BH4, sinh năm 1987 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn ĐH, xã Z, huyện Y, tỉnh X.
5. Chị BH5, sinh năm 1994 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Z, huyện Y, tỉnh X.
6. Anh BH6, sinh năm 1974 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Z, huyện Y, tỉnh X.
7. Anh BH7, sinh năm 1993 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn TH, xã S, huyện G, tỉnh X.
8. Anh BH8, sinh năm 1999; vắng mặt. Phiên tòa có bố đẻ là ông BH 8.2 tham gia.
Địa chỉ: Thôn TH, xã TH, huyện G, tỉnh X.
9. Anh BH9, sinh năm 1999 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn B Đ, xã B Đ, huyện Y, tỉnh X.
10. Ông BH10, sinh năm 1968 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Yên Sơn, xã Nghĩa Trung, huyện G, tỉnh X.
11. Anh BH 11, sinh năm 1985 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn LA , xã Y, huyện H, tỉnh L.
12. Chị BH 12, sinh năm 1989 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn LA , xã Y, huyện H, tỉnh L.
13. Anh BH 13, sinh năm 1991 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn CGH, xã Y, huyện H, tỉnh L.
14. Chị BH 14, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thị Tứ Z, xã Z, huyện Y, tỉnh X.

15. Anh BH 15, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn TS, xã Z, huyện Y, tỉnh X.

16. Ông BH 16, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn TD, xã Z, huyện Y, tỉnh X.

17. Anh BH 17, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn CB, xã TH, huyện G, tỉnh X.

18. Anh BH 18, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã MH, huyện H, tỉnh L.

19. Anh BH 19, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn MS, xã C, huyện Y, tỉnh X.

20. Chị BH 20, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn MS, xã C, huyện Y, tỉnh X.

21. Anh BH 21, sinh năm 1997 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn NT 2, xã XL, huyện G, tỉnh X.

22. Anh BH 22, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn TH, xã Z, huyện Y, tỉnh X.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đỗ Thị HH, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: Thị tứ Z, xã Z, huyện Y, tỉnh X.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị HH: Bà Giáp Thị V, Luật sư của Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh X. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị A, sinh năm 1985, trú tại thôn L, xã TL, huyện X, tỉnh P là giám đốc, đại diện theo pháp luật Công ty trách nhiệm hữu hạn GHV. Theo đăng ký kinh doanh, Công ty GHV hoạt động trong lĩnh vực tư vấn du học, được Sở giáo dục và đào tạo tỉnh P cấp giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ tư vấn du học số 366 ngày 08/5/2019. Công ty GHV không có chức năng tổ chức đưa người Việt Nam đi du học và xuất khẩu lao động tại nước ngoài.

Tuy nhiên, do có ý định chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nên Nguyễn Thị A đã gặp bà Đỗ Thị HH, sinh năm 1964, trú tại thị tứ Z, xã Z, huyện Y, tỉnh X. A giới thiệu mình là giám đốc Công ty GHV và nói dối với bà HH về việc Công ty GHV được các cơ quan chức năng cấp phép cho tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc theo diện Visa E7-1 (là loại Visa do Chính phủ Hàn Quốc cấp cho những người lao động có tay nghề cao và chuyên môn kinh nghiệm trong những ngành công nghiệp gốc tại Hàn Quốc). Mỗi người có nhu cầu đi lao động tại Hàn Quốc phải nộp cho A tổng chi phí là 8.500USD hoặc theo tỷ giá Việt Nam đồng và Đô la Mỹ tại thời điểm nộp tiền. Đối với lao động phổ thông thì đặt cọc trước 1.000USD; đối với lao động làm công tác quản lý công nhân thì phải đặt cọc trước 3.000USD. Số tiền còn lại sẽ được trả góp dần khi người lao động đến công ty tại Hàn Quốc làm việc. A đặt vấn đề Công ty GHV sẽ ký hợp đồng để bà HH đứng ra tìm, giới thiệu nguồn lao động để đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc, Visa E7 và thu, nộp tiền giúp Huê, A cam kết mỗi một lao động sau khi hoàn tất thủ tục thì A sẽ trả cho bà HH 20.000.000 đồng, bà HH đồng ý. Ngày 01/3/2019, bà HH ký hợp đồng liên kết với Công ty GHV; A giao bà HH 01 tập phiếu thu, 01 tập giấy cam kết thời gian xuất cảnh có sẵn chữ ký của A và con dấu của Công ty GHV. Sau khi ký hợp đồng với Công ty GHV, bà HH đã thông tin cho một số người biết. Do tin tưởng nên nhiều người đã trực tiếp đến gặp, ký hợp đồng, nộp tiền để được đi xuất khẩu lao động. Để tạo thêm tin tưởng, A còn tổ chức cho người lao động học tiếng Hàn Quốc tại lớp học do A mở và học bổ túc nghề tại Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghiệp X; trực tiếp đến nhà bà HH để gặp, động viên và tư vấn thêm cho người lao động; đưa ra các lý do như có trục trặc về hồ sơ xuất cảnh, nộp tiền làm hồ sơ trả góp, nộp tiền lo thủ tục Visa, làm thủ tục để được bay nhanh...để người lao động tin tưởng tiếp tục chờ và nộp thêm tiền. Từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2019 bằng thủ đoạn nêu trên, A đã chiếm đoạt của 22 người bị hại với tổng số tiền 1.406.850.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của ông BH1, sinh năm 1967, trú tại thôn BL 2, xã Z, huyện Y, tỉnh X 69.750.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH1 đến nhà bà HH. Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019 sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 18/3/2019 BH1 đã đăng ký cho con trai là anh Dương Văn Thích, sinh năm 1990 đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, đến ngày 05/5/2019, BH1 nộp tiếp cho bà HH 46.500.000 đồng để chuyển đăng ký cho anh Thích từ lao động phổ thông sang làm quản lý công nhân. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký phiếu thu giao BH1 giữ.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH1 hỏi thì bà HH nói đang trục trặc về thủ tục nên phải đến tháng 01/2020 anh Thích mới được xuất cảnh. Trong thời gian chờ, anh Thích đã một số lần được gặp A tại nhà bà HH và được

A tư vấn thêm về công việc. Tuy nhiên đến hết tháng 01/2020 vẫn không thấy được xuất cảnh nên BH1 đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 19/4/2022 BH1 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 18/3/2019; 01 phiếu thu đề ngày 05/5/2019; 01 bản cam kết đề ngày 18/3/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019; 01 bản cam kết đề ngày 25/10/2019; 01 giấy cam kết trả tiền đề ngày 15/3/2020. BH1 yêu cầu trả lại 69.750.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của anh BH2, sinh năm 1996, trú tại thôn TH, xã Z, huyện Y, tỉnh X 23.250.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH 18 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết sau 06 tháng sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 19/3/2019, BH 18 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao BH 18 giữ. Một thời gian sau BH 18 được bà HH đưa ra thành phố Hà Nội gặp A để ký một số giấy tờ và được A tư vấn thêm về công việc. Quá thời hạn không thấy được xuất cảnh, BH 18 đòi lại tiền thì A không trả. Do thời gian đã lâu nên BH 18 đã làm mất phiếu thu trên.

Ngày 29/8/2021 BH 18 có đơn tố cáo và giao nộp 01 bản cam kết đề ngày 19/3/2019. BH 18 yêu cầu trả lại 23.250.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của anh BH3, sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, xã Z, huyện Y, tỉnh X 23.250.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH6 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 8/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 19/3/2019, BH6 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, bà HH viết, ký giấy biên nhận BH6 giữ.

Hết tháng 8/2019 không thấy được xuất cảnh, BH6 đến nhà Hạnh hỏi thì gặp cả A ở đó. Bà HH và A nói đang có trục trặc về thủ tục, phải đến tháng 12/2019 mới được xuất cảnh. Tuy nhiên quá thời hạn không thấy được xuất cảnh nên BH6 đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 29/8/2021, BH6 có đơn tố cáo và giao nộp 01 giấy biên nhận viết tay đề ngày 19/3/2019. BH6 yêu cầu trả lại 23.250.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của anh BH4, sinh năm 1987 và chị BH5, sinh năm 1994, trú tại thôn ĐH, xã Z, huyện Y, tỉnh X 229.670.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH 6 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 19/3/2019, BH 6 đã nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao BH 6 giữ. Sau đó BH 6 còn phải nộp thêm cho bà HH 11.600.000 đồng để làm thủ tục Visa bay nhanh.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH 6 đến nhà bà HH hỏi thì gặp A ở đó. Bà HH và A nói đang có trục trặc về thủ tục nên phải đến tháng 10/2019 mới được xuất cảnh.

Chị BH5 cũng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nên ngày 12/8/2019, BH 6 đến gặp bà HH đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.200.000 đồng, đến tháng 9/2019 nộp tiếp 11.600.000 đồng để làm thủ tục Visa bay nhanh.

Đến ngày 31/10/2019 BH 6 nộp tiếp 160.000.000 đồng để làm thủ tục cho cả hai vợ chồng. Tuy nhiên quá thời hạn không thấy được xuất cảnh nên vợ chồng BH 6 đòi lại tiền thì A mới trả 15.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2021, vợ chồng BH 6 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 12/8/2019; 01 phiếu thu đề ngày 16/9/2019; 01 phiếu thu đề ngày 31/10/2019; 02 bản cam kết đề ngày 10/8/2019; 02 bản cam kết đề ngày 25/10/2019. Vợ chồng BH 6 yêu cầu trả lại 214.670.000 đồng.

5. Chiếm đoạt của anh BH6, sinh năm 1974, trú tại thôn HL, xã Z, huyện Y, tỉnh X 69.750.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH6 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 20/3/2019, BH6 đã đăng ký cho con trai là Trần Văn Tú, sinh năm 1997 đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng. Một thời gian sau bà HH nói còn chỉ tiêu làm quản lý công nhân nên ngày 05/5/2019, BH6 nộp tiếp cho bà HH 46.500.000 đồng để chuyển đăng ký cho BH 6 từ lao động phổ thông sang làm quản lý công nhân. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký phiếu thu giao BH6 giữ.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, ông Mạnh hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc, bà HH giao cho BH 6 bản cam kết đề ngày 10/8/2019, theo đó tháng 10/2019 BH 6 sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Trong thời gian chờ, A cho BH 6 học tiếng Hàn Quốc, đến tháng 8/2019 tiếp tục cho BH 6 học bổ túc nghề. Tuy nhiên đến cuối năm 2019, BH 6 vẫn không được xuất cảnh nên BH6 đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 05/10/2021, BH6 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 20/3/2019; 01 bản cam kết không ghi ngày, tháng, năm; 01 phiếu thu đề ngày 05/5/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019. BH6 yêu cầu trả lại 69.750.000 đồng.

6. Chiếm đoạt của anh BH7, sinh năm 1993, trú tại thôn TH, xã S, huyện G, tỉnh X 34.820.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH 7 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 22/3/2019, BH 7 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.200.000 đồng, một thời gian sau BH 7 nộp tiếp 11.620.000 đồng

tiền làm hồ sơ trả sau. Các lần nộp tiền thì bà HH đều viết, ký giấy biên nhận, giấy cam kết giao BH 7 giữ.

Trong thời gian chờ, BH 7 được bà HH cho học tiếng Hàn Quốc và học bổ túc nghề. BH 7 đã một lần được gặp A tại nhà bà HH và được A hứa hẹn sẽ làm thủ tục để BH 7 được đi xuất khẩu lao động.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH 7 hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc về thủ tục, bà HH giao cho BH 7 bản cam kết đề ngày 10/8/2019, theo đó tháng 09/2019, BH 7 sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động, sau đó tiếp tục cam kết đến tháng 01/2020. Tuy nhiên đến hết tháng 01/2020 không thấy được xuất cảnh nên BH 7 đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 22/4/2021, BH 7 có đơn tố cáo và giao nộp 01 biên nhận đề ngày 22/3/2019; 01 giấy cam kết không ghi ngày tháng năm; 01 bản cam kết đề ngày 22/3/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019; 01 bản cam kết đề ngày 25/10/2019. BH 7 yêu cầu trả lại 34.820.000 đồng.

7. Chiếm đoạt của anh BH8, sinh năm 1999, trú tại thôn TH, xã TH, huyện G, tỉnh X 58.230.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH 8 đến nhà bà HH. Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 29/3/2019, BH 8 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, đến ngày 11/5/2019, BH 8 nộp tiếp cho bà HH 34.980.000 đồng để chuyển từ đăng ký đi lao động phổ thông sang làm quản lý công nhân. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký giấy biên nhận, phiếu thu giao BH 8 giữ.

Hết tháng 6/2019 không thấy được xuất cảnh, BH 8 hỏi thì bà HH nói đang trục trặc về thủ tục, bà HH giao cho BH 8 bản cam kết đề ngày 10/8/2019, theo đó tháng 01/2020 BH 8 sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Tuy nhiên đến hết tháng 01/2020 vẫn không thấy được xuất cảnh nên BH 8 đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 21/4/2022, BH 8 có đơn tố cáo và giao nộp 01 giấy biên nhận đề ngày 29/3/2019; 01 phiếu thu đề ngày 11/5/2019; 01 bản cam kết đề ngày 29/3/2019; 01 bản cam kết đề ngày 25/10/2019. BH 8 xác nhận A đã trả một phần tiền và yêu cầu trả phần còn lại.

8. Chiếm đoạt của anh BH9, sinh năm 1984, trú tại thôn B Đ, xã B Đ, huyện Y, tỉnh X 23.250.000 đồng.

Tháng 3/2019, BH 9 đến nhà bà HH. Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 29/3/2019, BH 9 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng nhưng không viết giấy tờ gì. Tuy nhiên sau đó BH 9 không sang được Hàn Quốc lao động, bà HH có giao cho BH 9 01 phiếu thu

tiền đề ngày 11/11/2019. Đến tháng 01/2019, BH 9 vẫn không sang được Hàn Quốc, BH 9 đòi lại tiền thì A mới trả 13.250.000 đồng.

Ngày 21/4/2022 BH 9 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 11/11/2019. BH 9 yêu cầu trả lại 10.000.000 đồng.

9. Chiếm đoạt của ông BH10, sinh năm 1968, trú tại thôn Yên Sơn, xã Nghĩa Trung, huyện G, tỉnh X 34.870.000 đồng.

Tháng 4/2019, BH 10 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 02/4/2019, BH 10 đã đăng ký cho con trai là anh Nguyễn Hữu Khởi, sinh năm 1996 đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, đến ngày 05/5/2019, anh Khởi nộp tiếp cho bà HH 11.620.000 đồng tiền trả góp. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký phiếu thu giao BH 10 , anh Khởi giữ.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH 10 hỏi thì bà HH nói đang trực trặc về thủ tục nên phải đến tháng 01/2020 anh Khởi mới được xuất cảnh. Trong thời gian chờ, anh Khởi đã một số lần được gặp A tại nhà bà HH và được A tư vấn thêm về công việc. Tuy nhiên đến hết tháng 01/2020, vẫn không thấy được xuất cảnh nên BH 10 đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 20/3/2022, BH 10 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 02/4/2019; 01 giấy biên nhận đề ngày 02/4/2019; 01 phiếu thu đề ngày 05/5/2019; 01 bản cam kết đề ngày 02/4/2019; 01 bản cam kết đề ngày 25/10/2019. BH 10 yêu cầu trả lại 34.870.000 đồng.

10. Chiếm đoạt của vợ chồng anh BH 11, sinh năm 1985 và chị BH 12, sinh năm 1989, trú tại thôn LA , xã Y, huyện H, tỉnh L 58.250.000 đồng.

Tháng 4/2019, BH 11 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 10/4/2019, BH 11 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, sau đó nộp tiếp 11.500.000 đồng tiền làm hồ sơ trả sau. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký phiếu thu giao BH 11 giữ.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH 11 đến nhà bà HH hỏi thì gặp A ở đó. Bà HH và A nói đang có trực trặc về thủ tục nên phải đến tháng 12/2019, sẽ được xuất cảnh. Trong thời gian này, vợ BH 11 là chị BH 12 cũng có nhu cầu đi xuất khẩu lao động nên ngày 12/8/2019 chị Đan đến nhà bà HH đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.500.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao chị Đan giữ. Trong thời gian chờ đợi, vợ chồng BH 11 được A cho học tiếng Hàn Quốc và học bỏ túi nghề. Tuy nhiên đến hết tháng 12/2019, không thấy được xuất cảnh nên vợ chồng BH 11 đòi lại tiền thì A mới trả 10.000.000 đồng.

Ngày 05/10/2021 vợ chồng BH 11 có đơn tố cáo và giao nộp 01 giấy biên nhận đề ngày 10/4/2019; 02 bản cam kết đề ngày 10/8/2019; 01 phiếu thu đề ngày 12/8/2019. Vợ chồng BH 11 yêu cầu trả lại 48.250.000 đồng.

11. Chiếm đoạt của anh BH 13, sinh năm 1991, trú tại thôn CGH, xã Y, huyện H, tỉnh L 34.850.000 đồng.

Tháng 4/2019, BH 13 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 11/4/2019, BH 13 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, một thời gian sau BH 13 nộp tiếp cho bà HH 11.600.000 đồng tiền làm hồ sơ trả góp. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký phiếu thu giao BH 11 giữ.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH 13 hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc và cam kết đến cuối năm 2019 BH 13 sẽ được xuất cảnh. Tuy nhiên đến hết năm 2019, BH 13 vẫn không được xuất cảnh nên đòi tiền thì A mới trả 5.000.000 đồng. Do thời gian đã lâu nên BH 13 chỉ còn giữ được phiếu thu đề ngày 11/4/2019.

Ngày 05/10/2021, BH 13 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 11/4/2019. BH 13 yêu cầu trả lại 29.850.000 đồng.

12. Chiếm đoạt của chị BH 14, sinh năm 1997, trú tại thị tứ Z, xã Z, huyện Y, tỉnh X 69.780.000 đồng.

Tháng 4/2019, chị Diệp đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 20/4/2019, chị Diệp đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.200.000 đồng, bà HH viết phiếu thu giao chị Diệp giữ. Sau đó nộp tiếp 11.600.000 đồng tiền làm hồ sơ trả góp, bà HH viết tiếp vào phiếu thu trước đó. Một thời gian sau bà HH nói có chỉ tiêu làm quản lý công nhân nên ngày 11/5/2019, chị Diệp nộp tiếp cho bà HH 34.980.000 đồng để chuyển đăng ký từ lao động phổ thông sang làm quản lý công nhân, bà HH viết phiếu thu giao chị Diệp giữ. Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, chị Diệp hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc về thủ tục, bà HH giao cho chị Diệp bản cam kết đề ngày 10/8/2019, theo đó tháng 10/2019, chị Diệp sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Tuy nhiên hết tháng 10/2019, vẫn không thấy được xuất cảnh nên chị Diệp đòi lại tiền thì A mới trả 40.000.000 đồng.

Ngày 30/8/2021, chị Diệp có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 20/4/2019; 01 phiếu thu đề ngày 11/5/2019; 01 bản cam kết đề ngày 22/4/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019. Chị Diệp yêu cầu trả lại 29.780.000 đồng.

13. Chiếm đoạt của anh BH 15, sinh năm 1978, trú tại thôn TS, xã Z, huyện Y, tỉnh X 46.450.000 đồng.

Tháng 4/2019, anh Ngân đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 25/4/2019, anh Ngân đã đăng ký cho con trai là Nguyễn Văn Kiên, sinh năm 2000 đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, bà HH viết phiếu thu giao anh Ngân giữ.

Hết tháng 6/2019, không thấy anh Kiên được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động, anh Ngân hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc. Trong thời gian chờ, A cho anh Kiên đi học tiếng Hàn Quốc và học bổ túc nghề. Sau đó do bà HH yêu cầu nên ngày 11/11/2019, anh Ngân nộp tiếp 23.200.000 đồng là tiền phí làm hồ sơ trả góp và tiền xử lý để được bay nhanh, bà HH viết phiếu thu giao anh Ngân giữ. Tuy nhiên đến cuối năm 2019, anh Kiên không được xuất cảnh nên anh Ngân đòi lại tiền thì A mới trả 5.000.000 đồng.

Ngày 19/02/2021, anh Ngân có đơn tố cáo và giao nộp 01 bản cam kết đề ngày 25/4/2019; 01 phiếu thu đề ngày 25/4/2019; 01 phiếu thu đề ngày 11/11/2019. Anh Ngân yêu cầu trả lại 41.450.000 đồng.

14. Chiếm đoạt của ông BH 16, sinh năm 1967, trú tại thôn TD, xã Z, huyện Y, tỉnh X 139.500.000 đồng.

Tháng 4/2019, BH 16 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019 sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 04/5/2019, BH 16 đã đăng ký cho con trai là Nguyễn Văn Cảnh, sinh năm 1992 đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng. Do bà HH nói có chỉ tiêu làm quản lý công nhân nên ngày 05/5/2019, BH 16 tiếp tục đăng ký cho con trai thứ hai là Nguyễn Văn Cây, sinh năm 1994 đi lao động và nộp cho bà HH 69.750.000 đồng. Bà HH nói vẫn còn chỉ tiêu làm quản lý công nhân nên ngày 11/5/2019, BH 16 nộp tiếp cho bà HH 45.500.000 đồng để chuyển đăng ký cho anh Cảnh từ lao động phổ thông sang làm quản lý công nhân. Các lần nhận tiền thì bà HH đều viết, ký vào phiếu thu giao BH 16 giữ. Trong thời gian chờ, anh Cảnh và anh Cây được bà HH đưa đến Công ty GHV gặp A để ký một số giấy tờ và được A tư vấn thêm về công việc.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, BH 16 hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc, bà HH giao cho anh Cảnh và anh Cây bản cam kết đề ngày 10/8/2019, theo đó đến tháng 10/2019 anh Cảnh và anh Cây sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Trong thời gian chờ, anh Cảnh và anh Cây được A cho học tiếng Hàn Quốc và học bổ túc nghề. Tuy nhiên đến tháng 12/2019, anh Cảnh và anh Cây vẫn không được xuất cảnh nên BH 16 đòi lại tiền thì A mới trả 10.000.000 đồng.

Ngày 19/02/2021, BH 16 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 04/5/2019; 01 phiếu thu đề ngày 05/5/2019; 01 phiếu thu đề ngày 11/5/2019; 02 bản cam kết không ghi ngày, tháng, năm; 02 bản cam kết đề ngày 10/8/2019. BH 16 yêu cầu trả lại 129.500.000 đồng.

15. Chiếm đoạt của anh BH 17, sinh năm 1994, trú tại thôn CB, xã TH, huyện G, tỉnh X 46.850.000 đồng.

Ngày 04/5/2019, anh Đạt đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên anh Đạt đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.250.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao anh Đạt giữ. Sau đó bà HH yêu cầu nộp tiền làm hồ sơ trả góp nên anh Đạt nộp tiếp 11.600.000 đồng, bà HH viết thêm vào phiếu thu ngày 04/5/2019.

Hết tháng 6/2019, không thấy được xuất cảnh, anh Đạt hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc về thủ tục, bà HH giao cho anh Đạt bản cam kết đề ngày 10/8/2019, theo đó tháng 10/2019, anh Đạt sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động, sau đó lại cam kết đến tháng 12/2019. Trong thời gian chờ, anh Đạt có gặp A tại nhà bà HH và được A nói phải nộp tiền phí xuất cảnh nên ngày 12/11/2019, anh Đạt nộp cho A 12.000.000 đồng, A viết phiếu thu giao anh Đạt giữ. Tuy nhiên đến hết tháng 12/2019 không thấy được xuất cảnh nên anh Đạt đòi lại tiền thì A mới trả 5.000.000 đồng.

Ngày 11/12/2020, anh Đạt có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 04/5/2019; 01 bản cam kết không ghi ngày, tháng, năm; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019; 01 bản cam kết đề ngày 25/10/2019; 01 phiếu thu đề ngày 12/11/2019. Anh Đạt yêu cầu trả lại 41.850.000 đồng.

16. Chiếm đoạt của anh BH 18, sinh năm 1998, trú tại thôn H, xã MH, huyện H, tỉnh L 34.880.000 đồng.

Tháng 5/2019, BH 18 đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 6/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 22/5/2019, BH 18 đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 23.320.000 đồng, bà HH đều viết, ký phiếu thu giao BH 18 giữ. Một thời gian sau BH 18 nộp tiếp 11.650.000 đồng tiền làm hồ sơ trả sau, bà HH viết tiếp vào phiếu thu đề ngày 22/5/2019.

Hết tháng 6/2019, không thấy được sang Hàn Quốc lao động, BH 18 hỏi thì bà HH nói đang có trục trặc hồ sơ, bà HH còn đưa BH 18 ra thành phố Hà Nội gặp Huê. Tại đây BH 18 được A tư vấn thêm về công việc và cam kết đến cuối năm 2019, BH 18 sẽ được xuất cảnh. Trong thời gian chờ, BH 18 được A cho học tiếng Hàn Quốc và học bỏ túi nghề. Tuy nhiên đến hết tháng 12/2019, vẫn không thấy được xuất cảnh nên BH 18 đòi lại tiền thì A mới trả 5.000.000 đồng.

Ngày 09/01/2022, BH 18 có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 22/5/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019. BH 18 yêu cầu trả lại 29.880.000 đồng.

17. Chiếm đoạt của vợ chồng anh BH 19, sinh năm 1979 và chị BH 20, sinh năm 1979, trú tại thôn MS, xã C, huyện Y, tỉnh X 270.000.000 đồng.

Tháng 6/2019, anh Thắng cùng vợ là chị Oanh đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết sau khi đóng tiền cọc thì khoảng 01 tháng sau sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 29/6/2019, vợ chồng anh Thắng đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 70.000.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao vợ chồng anh Thắng giữ.

Quá thời hạn, không thấy được sang Hàn Quốc lao động, vợ chồng anh Thắng hỏi thì bà HH hứa hẹn chờ thêm thời gian để lo thủ tục xuất cảnh. Đến ngày 15/11/2019, bà HH đưa vợ chồng anh Thắng đến Công ty GHV gặp Huê. Tại đây A ký bản cam kết, theo đó vợ chồng anh Thắng sẽ được xuất cảnh vào ngày 05/12/2019 nên vợ chồng anh Thắng nộp cho A 150.000.000 đồng để làm các thủ tục trả góp và xuất cảnh nhanh; đến ngày 25/11/2019, vợ chồng anh Thắng nộp tiếp cho A 50.000.000 đồng phí đặt cọc. Các lần nhận tiền thì A đều viết, ký phiếu thu giao vợ chồng anh Thắng giữ. Tuy nhiên đến hết tháng 12/2019 vẫn không thấy được xuất cảnh nên vợ chồng anh Thắng đòi lại tiền thì A mới trả 80.000.000 đồng.

Ngày 04/10/2021, vợ chồng anh Thắng có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 29/6/2019; 01 phiếu thu đề ngày 15/11/2019; 01 bản cam kết đề ngày 15/11/2019; 01 phiếu thu đề ngày 25/11/2019. Vợ chồng anh Thắng cầu trả lại 190.000.000 đồng.

18. Chiếm đoạt của anh BH 21 , sinh năm 1997, trú tại thôn NT 2, xã XL, huyện G, tỉnh X 69.700.000 đồng.

Tháng 8/2019, anh Hiếu đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 10/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 14/8/2019, anh Hiếu đã đăng ký đi lao động phổ thông và nộp cho bà HH 34.900.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao anh Hiếu giữ.

Trong thời gian chờ, anh Hiếu được A cho học tiếng Hàn Quốc và học bổ túc nghề. Hết tháng 10/2019, không thấy được xuất cảnh, anh Hiếu đến nhà bà HH hỏi thì gặp A ở đó. Bà HH và A nói đang có trục trặc về thủ tục, công ty có khó khăn về tài chính nên phải đến tháng 12/2019, sẽ được xuất cảnh. Ngày 11/11/2019, bà HH đưa anh Hiếu đến Công ty GHV gặp Huê, A yêu cầu phải nộp thêm tiền để làm thủ tục bay nhanh nên anh Hiếu đã nộp cho A 34.800.000 đồng, A viết, ký phiếu thu giao anh Hiếu giữ và cam kết trong tháng 01/2020 anh Hiếu sẽ được xuất cảnh. Tuy nhiên đến hết tháng 01/2020, không thấy được xuất cảnh nên anh Hiếu đòi lại tiền thì A mới trả 5.000.000 đồng.

Ngày 08/4/2021 anh Hiếu có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 14/8/2019; 01 phiếu thu đề ngày 11/11/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019; 01 bản cam kết đề ngày 25/10/2019; 01 giấy nhận tiền đề ngày 27/7/2020. Anh Hiếu yêu cầu trả lại 64.700.000 đồng.

19. Chiếm đoạt của anh BH 22 , sinh năm 1971, trú tại thôn TH, xã Z, huyện Y, tỉnh X 69.750.000 đồng.

Tháng 8/2019, ông Ứng đến nhà bà HH . Tại đây, sau khi được bà HH tư vấn và cam kết trong tháng 10/2019, sẽ được xuất cảnh sang Hàn Quốc lao động. Do tin tưởng nên ngày 14/8/2019, ông Ứng đã đăng ký cho con trai là anh Tạ Đình Tâm, sinh năm 1990 đi lao động làm quản lý công nhân và nộp cho bà HH 69.750.000 đồng, bà HH viết, ký phiếu thu giao ông Ứng giữ.

Hết tháng 10/2019, không thấy anh Tâm được xuất cảnh, ông Ứng hỏi thì bà HH nói đang trục trặc về thủ tục nên phải đến tháng 01/2020, anh Tâm mới được xuất cảnh. Trong thời gian chờ anh Tâm đã được gặp A tại nhà bà HH và được A động viên, tư vấn thêm về công việc. Tuy nhiên đến hết tháng 01/2020, vẫn không thấy được xuất cảnh nên ông Ứng đòi lại tiền thì A không trả.

Ngày 19/4/2022, ông Ứng có đơn tố cáo và giao nộp 01 phiếu thu đề ngày 14/8/2019; 01 bản cam kết đề ngày 10/8/2019. Ông Ứng yêu cầu trả lại 69.750.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị A khai toàn bộ số tiền chiếm đoạt được A đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ viết, chữ ký trên các giấy biên nhận, giấy vay tiền, giấy cam kết thu giữ trong quá trình điều tra.

Kết luận giám định số 788 ngày 13/5/2021, số 1378 ngày 04/9/2021 và các Kết luận giám định bổ sung số 23 ngày 06/01/2022, số 439 ngày 21/3/2022, số 771 ngày 10/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh X kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Thị A dưới mục “Bên A” trên hợp đồng liên kết đề ngày 01/3/2019 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị A trên các tài liệu mẫu là của cùng một người.

- Chữ ký mang tên Đỗ Thị HH dưới mục “Bên B” trên hợp đồng liên kết đề ngày 01/3/2019 so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Thị HH trên các tài liệu mẫu là của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dạng in qua giấy than mang tên Nguyễn Thị A dưới các mục “Thủ trưởng đơn vị”, “Giám đốc” trên các phiếu thu; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị A dưới mục “Bên A” trên các giấy cam kết so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị A trên các tài liệu mẫu là của cùng một người.

- Chữ ký, chữ viết dạng in qua giấy than mang tên Đỗ Thị HH dưới mục “Người lập phiếu” trên các phiếu thu; chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị HH dưới mục “Người tuyển lao động” trên các giấy cam kết so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Thị HH trên các tài liệu mẫu là của cùng một người.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Thị A khai nhận hành vi phạm tội, đã khắc phục bồi thường được một phần hơn 100.000.000 đồng trả cho người bị hại. Xác nhận có vay số tiền 515.000.000 đồng của bà Đỗ Thị HH. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị đối với những người bị hại bị cáo xin nhận trách nhiệm bồi thường toàn bộ không yêu cầu bà Đỗ Thị HH phải bồi thường.

Người bị hại: Ông BH1, anh BH6, anh BH 11, anh BH 15, ông BH 16, anh BH 17, anh BH 19, anh BH 21 và anh BH 22 có mặt đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Đỗ Thị HH phải bồi thường cho những người bị hại vì bà HH là người trực tiếp tư vấn, viết phiếu thu và trực tiếp đứng ra thu tiền và cam kết nếu không đi xuất khẩu lao động được thì bà HH sẽ có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền đã thu. Những người bị hại không đồng ý bị cáo Nguyễn Thị A đứng ra nhận trả lại số tiền mà bà HH đã thu của những người bị hại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Bà Đỗ Thị HH cho rằng bà không hứa trả cho người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động mà là do công ty của bị cáo A cam kết chứ bà không cam kết trả lại số tiền đã thu nếu không đi xuất khẩu lao động được. Số tiền bà thu của những người bị hại đã bà chuyển lại toàn bộ cho bị cáo Nguyễn Thị A, bản thân bà không được sử dụng đồng nào của số tiền đã thu.

Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh X về hình phạt đã xét xử Nguyễn Thị A 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm, Bản án quyết định:

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị A phải bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tổng số tiền 1.213.600.000 đồng; gồm:

- Bồi thường cho anh BH 17: 7.000.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH 19 và chị BH 20: 120.000.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH 21 : 29.800.000 đồng.*
- Bồi thường cho bà Đỗ Thị HH 1.056.800.000 đồng.*

Buộc bà Đỗ Thị HH phải có trách nhiệm bồi thường số tiền trực tiếp nhận của những người bị hại tổng số tiền 1.056.800.000 đồng, gồm:

- Bồi thường cho ông BH1: 69.750.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH2: 23.250.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH3: 23.250.000 đồng.*
- Bồi thường cho BH4 và chị BH5: 214.670.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH6: 69.750.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH7: 34.820.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH8: 58.230.000 đồng.*
- Bồi thường cho anh BH9: 10.000.000 đồng.*
- Bồi thường cho ông BH10: 34.870.000 đồng.*

- Bồi thường cho BH 11 và chị BH 12: 48.250.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 13: 29.850.000 đồng.
- Bồi thường cho chị BH 14: 29.780.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 15: 41.450.000 đồng.
- Bồi thường cho ông BH 16: 129.500.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 17: 34.850.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 18: 29.880.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 19 và chị BH 20: 70.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 21 : 34.900.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 22 : 69.750.000 đồng.

Bà Đỗ Thị HH được nhận của bị cáo Nguyễn Thị A số tiền 1.056.800.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 48.408.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị HH phải chịu 43.704.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm; thông báo về quyền yêu cầu thi hành án và về lãi suất thi hành án, quyền kháng cáo bản án.

Ngày 28/4/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị HH có đơn kháng cáo toàn bộ phần dân sự của bản án sơ thẩm, cho rằng toàn bộ số tiền bà nhận của các bị hại đều đã đưa lại cho Huệ, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà trả những khoản bà trực tiếp nhận của bị hại là không đúng. Ngoài ra, còn có một số khoản bị hại trực tiếp đưa cho bà A nhưng bản án sơ thẩm lại xác định đưa cho bà, một số khoản tiền bị hại đã trả cho A theo yêu cầu của bà nhưng bản án sơ thẩm chưa xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà HH giữ nguyên kháng cáo. Bà HH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tài liệu chứng cứ bà đã xuất trình và chấp nhận kháng cáo.

Nguyễn Thị A trình bày: Bà HH vì quá tin tưởng A nên mới tư vấn cho các bị

hại và toàn bộ tiền bà HH chuyển cho Huê, A nhất trí sẽ thanh toán trả cho bị hại. Tuy nhiên, A cũng xác nhận hiện nay không có khả năng trả.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đều xác định do quá tin tưởng bà HH nên mới đưa tiền cho bà, nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với bị hại BH8 có ông BH 8.2 (bố đẻ BH 8) có mặt và ông Học xác nhận đã nhận của A 45 triệu đồng và chỉ yêu cầu bồi thường 13.230.000 đồng. Bị hại BH4 xác nhận vợ chồng ông trực tiếp nộp cho A 160 triệu chứ không phải nộp cho bà HH và đồng ý yêu cầu A trả 160 triệu đồng.

Đại diện VKSNDCC tại Hà Nội phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo phản đối với người bị hại BH8 và BH4; các nội dung kháng cáo khác không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã thu thập và tài liệu chứng cứ mới, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Đỗ Thị HH về phần trách nhiệm dân sự:

[1] Trong vụ án này, Nguyễn Thị A thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 22 người bị hại với tổng số tiền 1.406.850.000 đồng. Cơ quan tố tụng đã xác định bà Đỗ Thị HH có tư vấn cho các cá nhân có nhu cầu đi học, đi xuất khẩu lao động nhưng giữa bà Đỗ Thị HH với Nguyễn Thị A có hợp đồng liên kết, A cam kết chịu trách nhiệm với người do bà HH giới thiệu, do vậy bà HH không biết A lừa đảo, nên bà HH không đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thị A . Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Thị A và xác định bị cáo A phải có trách nhiệm bồi thường tiền chiếm đoạt cho các bị hại là đúng.

[2] Tuy nhiên, bà HH , A (bên A) với bị hại (hoặc người thân của bị hại-bên B) có Bản cam kết nội dung bên A cam kết với bên B *nếu bên B không xuất cảnh được thì bên A và bà Đỗ Thị HH có trách nhiệm hoàn lại toàn bộ số tiền gốc đã nộp (...)*. Thực tế, bà HH là người trực tiếp tư vấn và cam kết với bị hại; viết phiếu thu và thu một phần trong tổng số tiền của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, đi du học nước ngoài, rồi giao lại cho Nguyễn Thị A .

Quá trình tố tụng, các bị hại yêu cầu bà Đỗ Thị HH phải trả những khoản mà bà HH đã trực tiếp nhận của bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận buộc bà HH trả nhưng đã buộc Nguyễn Thị A hoàn trả lại bà HH khoản tiền này là có căn cứ, phù hợp quy định của Bộ luật dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà HH .

[3] Đối với bị hại BH8: Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là **58.230.000** đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà HH trả **58.230.000 đồng**.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông BH 8.2 xác nhận đã được nhận lại nhiều lần, tổng số 45.000.000 đồng nộp các biên nhận - A và bà HH đều xác nhận. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm đối trừ khoản tiền này trong số tiền 58.230.000 đồng, còn 13.230.000 đồng.

[4] Trường hợp vợ chồng anh BH4 và chị BH5: tại phiên tòa phúc thẩm anh BH4 xác nhận vợ chồng anh có trực tiếp nộp cho A 160.000.0000 đồng, yêu cầu A trực tiếp trả lại khoản tiền này; số tiền 54.670.000 đồng còn lại đề nghị bà HH trả.

[5] Các nội dung kháng cáo của bà HH đối với 3 bị hại khác đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết có căn cứ nên cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[6] Với phân tích nêu trên, đủ cơ sở xác định tổng số tiền các bị hại yêu cầu trả là 1.168.600.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị HH, sửa (một phần) trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm.

[7] Bà HH kháng cáo yêu cầu A trả 515.000.000 đồng A vay của bà HH : Tòa án cấp sơ thẩm xác định không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên không xem xét là đúng, do vậy cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Thị A phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm buộc A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền các bị hại yêu cầu thì không phải buộc bà HH chịu án phí dân sự nữa (không tính án phí 2 lần đối với cùng một khoản tiền). Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Đỗ Thị HH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355, Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh X (về phân trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm):

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 275, Điều 584, Điều 589, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

* Buộc bị cáo Nguyễn Thị A phải bồi thường cho những người bị hại và hoàn trả cho bà Đỗ Thị HH tổng số tiền 1.168.600.000 đồng; gồm:

- Bồi thường cho anh BH 17: 7.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 19 và chị BH 20: 120.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 21 : 29.800.000 đồng.
- Bồi thường cho BH4 và chị BH5 **160.000.000** đồng.
- Hoàn trả cho bà Đỗ Thị HH **851.800.000** đồng.

* Buộc bà Đỗ Thị HH trả cho các bị hại sau với bị hại tổng số tiền **851.800.000** đồng, gồm:

- Bồi thường cho ông BH1: 69.750.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH2: 23.250.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH3: 23.250.000 đồng.
- Bồi thường cho BH4 và chị BH5: **54.670.000** đồng.
- Bồi thường cho anh BH6: 69.750.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH7: 34.820.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH8: **13.230.000** đồng.
- Bồi thường cho anh BH9: 10.000.000 đồng.
- Bồi thường cho ông BH10: 34.870.000 đồng.
- Bồi thường cho BH 11 và chị BH 12: 48.250.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 13: 29.850.000 đồng.
- Bồi thường cho chị BH 14: 29.780.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 15: 41.450.000 đồng.
- Bồi thường cho ông BH 16: 129.500.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 17: 34.850.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 18: 29.880.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 19 và chị BH 20: 70.000.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 21 : 34.900.000 đồng.
- Bồi thường cho anh BH 22 : 69.750.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nguyễn Thị A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và **47.058.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị HH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

2. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 15/8/2023.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh X;
- VKSND tỉnh X;
- TTG - Công an tỉnh X;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh X;
- Bị hại, bà HH ;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu hồ sơ vụ án, PHC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương